

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/03/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng
1		P7+TD3+P2	7:25	13+3+6	0+0+0		8+0+11	0+0+0
2		BK5+BK10+BK3	7:25	18+0+3	0+0+0		3+1+4	0+0+0
3		TD2+BK5+BK8	7:25	14+3+5	0+0+0		13+0+9	0+0+0
4		RP3+PVD1+P4	7:25	5+12+3	0+0+0		5+12+3	0+0+0
5		P2	7:45	14	0		13	0
6		RP2	9:00	13	0		13	0
7		CNV+TD5+RP2	9:25	1+2+16	0+0+0		0+0+16	0+0+0
8		CTC1+PVD1	9:25	6+16	0+0		5+15	0+0
9		CTK3+TD2	9:25	11+10	0+0		4+17	0+0
10		BK4+P2+BK6	9:25	1+12+5	0+0+0		3+13+4	0+0+0
11		P7+TD2	11:25	8+14	0+0		5+16	0+0
12		PPD+TD2	11:25	12+0	0+0		5+8	0+0
13		MRM+RC3+p10	11:25	11+10+1	0+0		0+5+6	0+0

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 nguoi bk3 về đi ppd, 1 ng bk8 về đi bk6, 1 nguoi Td1 về đi Bk4
2/P9 đi về qua TD2

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2022	TO: P7 - TD3 - P2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LTuấn - HƯNG - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

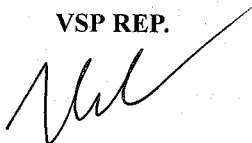
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	P7	30	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG HOÀN	P7	34	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THAI DUƠNG	P7	32-33	2	15		53	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU NAM	P7	28-29	2	19		85	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN VĂN THANH	P7	25	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ HỒNG GIANG	P7	67	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN HÒA	P7					78	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ XUÂN TUYẾN	P7					62	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG THUY	P7	26-27	2	6		66	KHOAN	Vietnamese
10	HUYNH TRUNG NGHĨA	P7	31	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
11	CHU MINH HÙNG	P7	35	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P7					70	NIPI	Vietnamese
13	TRẦN VĂN LINH	P7					80	NIPI	Vietnamese
14	ROZGON	TD3	43	1	5		90	D-HANH	Russian
15	BUI HỒNG SANG	TD3	44	1	15	13	96	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LỘC	TD3	46	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
17	DANG BA DIEU	P2	02	1	5	20	57	YTE	Vietnamese
18	HOANG TAN QUAN	P2	04-05	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM NGUYEN HOANG PHUC	P2	07	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG ĐỨC HIỆU	P2	06	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM QUỐC HIẾN	P2	01	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN ĐỨC HUY	P2	03	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

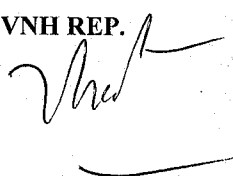
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	13	12	82	964	0	8	1	CHUYỂN 1 PAX TỪ P7 SANG TD3
2	TD3	3	3	35	251	13	2		
3	P2	6	7	34	423	20	12		
TOTAL		22	22	151	1.638	33	22		
WEIGHT KG				151	1.638	33			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2022	TO: BK5 - BK10 - BK3	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: LHai - T.Hieu - H.Duc -	ETA: 09:15
VANG-1		HTNam	

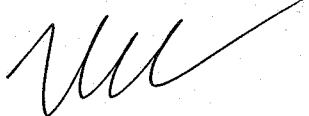
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TANG MANH HA	BK5	31	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG DINH QUE	BK5	27-28	2	12		84	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC HOAN	BK5	29-30	2	14		60	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN LAM	BK5	43-44	2	18		85	XAYLAP	Vietnamese
5	LE VAN BINH	BK5	25-26	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
6	VO HOANG LAM	BK5	45-48	2	18		68	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAM NGOC NAM	BK5	22-23	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN BA DIEN	BK5	34-35	2	19		78	XAYLAP	Vietnamese
9	VU VAN TAN	BK5	46-47	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VAN TU	BK5	41-42	2	10		61	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN VAN HUNG	BK5	36-38	3	19		61	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG LUAN	BK5					58	XAYLAP	Vietnamese
13	CAO VAN MANH	BK5	39-40	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
14	VU HONG PHONG	BK5	50-51	2	10		60	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI HUU LOI	BK5	49	1	5		79	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN VAN KHANH	BK5	32-33	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG ANH TU	BK5	53-54	2	15		84	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN CHINH QUAN	BK5	24	1	11		64	XAYLAP	Vietnamese
19	LE NGOC HAI	BK5	52	1	5		67	XAY LAP	Vietnamese
20	NGO HOANG NAM	BK3	95	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
21	THAI HAI HA	BK3	94	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN NANG	BK3	93	1	5		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	19	33	264	1.323	0	3	1	CHUYEN 1 PAX BK5 SANG BK10
2	BK10	0	0	0	0	0	1		
3	BK3	3	3	25	201	0	4		
TOTAL		22	36	289	1.524	0	8		
WEIGHT KG				289	1.524	0			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

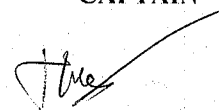
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: TD2 - BK5 - BK8	CREW: Linh - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GONCHAROV SERGEY	TD2	16	1	8		99	KHOAN	Russian
2	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	18	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
3	VUÔNG ĐÌNH LIÊN	TD2	94	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VAN BAC	TD2	95	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN HÙNG	TD2	15	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN CUÔNG	TD2	22-23	2	8		78	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ THANH TÙNG	TD2	92-93	2	20		85	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ VĂN BẮC	TD2	17	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
9	MAI VĂN HOANG	TD2	98	1	7		61	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	24-25	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD2	96-97	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
12	LUƠNG HÙNG TRIẾT	TD2	21	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ HAI NGÂN	TD2	20	1	11		58	KHOAN	Vietnamese
14	ĐOÀN BÙU TÂM	TD2	19	1	14		106	KHOAN	Vietnamese
15	VO SY HOAI THANH	TD2	99	1	14		64	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HOÀN	BK5	79	1	11	55	60	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VĂN DƯƠNG	BK5	80-81	2	18	25	65	XAYLAP	Vietnamese
18	K LING	BK8	53	1	6	15	75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU HÀ	BK8	44	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8	55	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	56	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI ĐẮC CÀNH	BK8	54	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

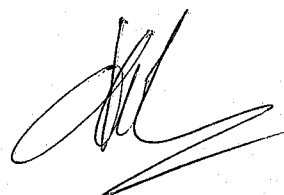
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	15	19	146	1.149	0	13		
2	BK5	2	3	29	125	80	0		
3	BK8	5	5	37	349	15	9		
TOTAL		22	27	212	1.623	95	22		
WEIGHT KG				212	1.623	95			

GRAND TOAL: 1.930 KGS

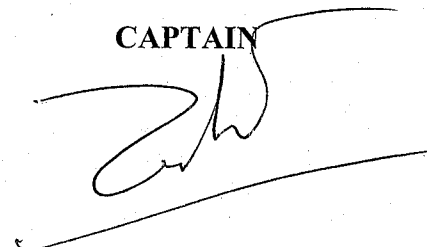
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2022	TO: RP3 - PVD1 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: QViệt - ĐNam - NNam	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM BÌNH NAM	RP3	13-14	2	12		62	KHI	Vietnamese
2	PHAN THIÊN SƠN	RP3	18	1	12		72	DVL	Vietnamese
3	ĐOÀN PHÚC HOANG	RP3	19-20	2	15		72	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIỆP	RP3	16-17	2	20		75	DVL	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ĐẠM	RP3	15	1	12		70	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN BA TUÂN	PVD1	85	1	5		65	PVD	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN LỘC	PVD1	78	1	5		71	PVD	Vietnamese
8	ĐÀO XUÂN KHIÊM	PVD1	86	1	2		47	PVD	Vietnamese
9	TRẦN VĂN ĐỨC	PVD1	84	1	5		70	PVD	Vietnamese
10	HỒ MINH PHÚC	PVD1	89	1	5		85	PVD	Vietnamese
11	MAI MINH TUÂN	PVD1	90	1	6		67	PVD	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH ĐỊNH	PVD1	88	1	7		71	PVD	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN PHÚ	PVD1	81-82	2	16	10	67	M-I	Vietnamese
14	TÀ HỮU HỒ	PVD1	87	1	12		68	M-I	Vietnamese
15	BUI XUÂN THÈM	PVD1	77	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	PVD1	91-92	2	20	18	80	DVL	Vietnamese
17	TRẦN QUANG UT	PVD1	79-80	2	20		75	SCHLUMBE	Vietnamese
18	ĐOÀN THANH CÔNG	P4	66	1	8		75	KHI	Vietnamese
19	ZAGUDAIEV	P4	67	1	5		78	KHI	Russian
20	KOLESNIK ALEXANDER	P4	68	1	10		105	KHI	Russian

FLIGHT PLAN

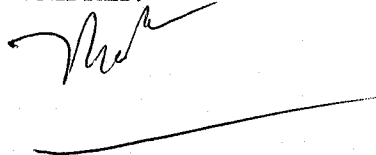
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	5	8	71	351	0	5	2	CHUYEN 2 PAX TU RP3 SANG P4
2	PVD1	12	15	112	844	28	12		
3	P4	3	3	23	258	0	3		
TOTAL		20	26	206	1.453	28	20		
WEIGHT KG				206	1.453	28			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

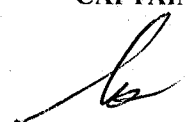
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/03/2022	TO: P2	AIRCRAFT: 610	ETD: 07:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Tường - NKhánh	ETA: 09:55
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN NGUYỄN BẢO CHÂU	P2	18	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
2	LƯU VĂN TÚ	P2	16	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ NGỌC HAI	P2	24	1	5		96	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	17	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI THỌ DUNG	P2	14	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	26-27	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	23	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC DƯ	P2	24	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ SINH TÂM	P2	15	1	8		92	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	22	1	5		46	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HIỆN TRƯỞNG	P2					71	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VĂN ĐÔNG	P2	19	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	THAI HOANG TÂM	P2	21	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	20	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	14	14	90	974	0	14		13 F0 VA 1 BS GIAN
	TOTAL	14	14	90	974	0	14		
	WEIGHT KG			90	974	0			

GRAND TOAL: 1.064 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

XNLD VIETSOVPETRO
Điện thoại: 0918532945

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Đường bay: CTP2 - Vũng Tàu

Ngày: 30/03/ 2022		Nơi đi : CTP-2	Số hiệu máy bay: 610	Giờ cất cánh: 07h45
Chuyến bay № 2	Thé	Nơi đến : VŨNG TÀU	Tổ bay:	Giờ hạ cánh:

HÀNH KHÁCH

[illegible]

HÀNG HÓA

STT	TÊN HÀNG HÓA	NƠI ĐẾN	SỐ LƯỢNG	TRỌNG LƯỢNG
1				
2				
3				
		Tổng cộng:	0	0

NGƯỜI LẬP

ĐẠI DIỆN GIẢN

PHI CÔNG TRƯỜNG

Dring

KHAI THÁC PHÂN
TH

Nguyễn Thành Dương

Võ Duy Toàn

Bác sỹ:

Trần Trọng Phong

MÔ TẢ	SỐ LƯỢNG	TL (Kg)
Hành khách	14 người	939
Hành lý	21 kiện	195
Hàng hóa	0 kiện	0
Tổng cộng:		1134

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 09:00
FLIGHT: 6	TO: RP2	CREW: HHai - Thanh	ETA: 11:00
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÌNH LONG	RP2	22	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	17	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ ĐỨC CƯỜNG	RP2	14	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN LÝ	RP2	20	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	16	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	18	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ CHI CÔNG	RP2	23-24	2	13		84	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2	26	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	13	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ HỮU QUÂN	RP2	19	1	8	100	64	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG NGỌC LAN	RP2	25	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
13	KHALIMOV AYDAR	RP2	15	1	10		80	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	13	14	97	949	100	13		F0
TOTAL		13	14	97	949	100	13		
WEIGHT KG				97	949	100			

GRAND TOAL: 1.146 KGS

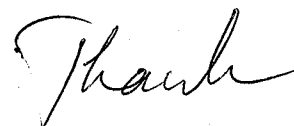
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



X VIETSOVPETRO RO

Điện thoại: 0918532945

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

D.bayi: RP2

Ngày 30/03/2022	Nơi đến: Vũng Tàu	Số hiệu máy bay:	Giờ cất cánh:	09h00'
Chuyến bay: 01	Nơi đi: RP2	Tổ bay:	Giờ hạ cánh:	

HÀNH KHÁCH

[illegible]

HÀNG HOÀ

Stt	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng
1	Thùng bộ xanrich bơm sulzer	Vũng Tàu	02	40
2				
3				

Người lập

Giản trưởng

Phí công trường

Nguyễn Việt Hùng

Phạm Văn Ban

Tổng cộng

Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
H.K	13	845
H.L	15	107
H.H		
Tổng cộng		952



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2022	TO: CNV - TD5 - RP2	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:30
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LTuấn - HUNG - Huy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC THANH	CNV	39	1	6	75	80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TUAN ANH	TD5	29	1	13		67	DVL	Vietnamese
3	PHAM VAN SANG	TD5	30	1	14		70	DVL	Vietnamese
4	NGUYEN HUNG CUONG	RP2	87-88	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
5	LUU VAN DIEN	RP2	81-83	3	14		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN KHAC SANG	RP2	80	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	VO HOANG CAM	RP2	09	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM TRUNG KIEN	RP2					71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN HAI	RP2	85	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
10	LE LAM	RP2	11	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	84	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	LUONG NGOC THANH	RP2	10	1	6		92	KH-THAC	Vietnamese
13	LE QUOC TIEN	RP2	86	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN TAI	RP2	90	1	9		78	GETRACO	Vietnamese
15	DAO XUAN THO	RP2	91	1	5		71	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HOAI	RP2	92	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
17	LE HAI HOA	RP2	89	1	11		85	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	1	1	6	80	75	0		
2	TD5	2	2	27	137	0	0		
3	RP2	14	16	101	1.024	0	16		
TOTAL		17	19	134	1.241	75	16		
WEIGHT KG				134	1.241	75			

GRAND TOAL: 1.450 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2022	TO: CTC1 - PVD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:20
VANG-2			

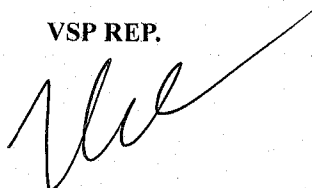
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	47	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
2	DUƠNG MINH KHANH	CTC1	48	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	46	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC LANG	CTC1	49-50	2	20		68	T-TIN	Vietnamese
5	LÊ VĂN LỘC	CTC1	51	1	10	14	60	T-TIN	Vietnamese
6	BUI VAN QUỐC	CTC1	69	1	4		59	GETRACO	Vietnamese
7	ROBERT SEAN HARRIS	PVD1	98-99	2	17		87	PVD	British
8	EUGENE SCOTT DUBOIS	PVD1	01-02	2	13		120	PVD	American
9	LUƠNG VĂN HOANG	PVD1	03	1	4		86	PVD	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY SƠN	PVD1	05	1	6		67	PVD	Vietnamese
11	NGUYỄN GIANG TRUNG	PVD1	08-09	2	12		70	PVD	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG BĂNG	PVD1	10	1	10		73	PVD	Vietnamese
13	HOANG HUU BINH	PVD1	97	1	10		72	PVD	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG CUÔNG	PVD1	12	1	7		55	PVD	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN ĐẠT	PVD1	04	1	5		60	PVD	Vietnamese
16	VÕ XUÂN QUANG	PVD1	11	1	10		64	PVD	Vietnamese
17	PHAN VĂN MẠNH	PVD1	07	1	5		60	PVD	Vietnamese
18	BUI MINH TUẤN	PVD1	95-96	2	10		75	PVD	Vietnamese
19	HOANG MY TUNG	PVD1	06	1	5		80	PVD	Vietnamese
20	LIU VAN MANH	PVD1	05	1	5		60	PVD	Vietnamese
21	TRẦN VĂN NGHĨA	PVD1	06	1	5		57	PVD	Vietnamese
22	NGUYỄN BÌNH DÂN	PVD1	2000	1	10		67	PVD	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	6	7	59	388	14	5		
2	PVD1	16	20	134	1.153	0	15		
TOTAL		22	27	193	1.541	14	20		
WEIGHT KG				193	1.541	14			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 9	TO: CTK3 - TD2	CREW: QViệt - ĐNam - NNam	ETA: 11:30
NAU-2			

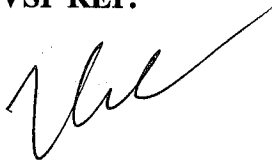
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ MINH GIANG	CTK3	16	1	5	30	75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO HỮU ĐỨC	CTK3	09-10	2	24		92	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ CÔNG KHANG	CTK3	13	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TÂN PHONG	CTK3	15	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH TUÂN	CTK3	14	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
6	BOGDANOV	CTK3	13,18	2	12		74	KH-THAC	Russian
7	TRẦN VĂN KHUÔNG	CTK3	17	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU NHAN	CTK3	12	1	5		71	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	CTK3	11	1	6		65	PSV	Vietnamese
10	LÊ TUÂN NGHĨA	TD2	31	1	8	70	70	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN NAM	TD2	30	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
12	HÀ VĂN LINH	TD2	35	1	12		90	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	26	1	3		52	KHOAN	Vietnamese
14	ĐÌNH VĂN HUÂN	TD2	27	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	29	1	8		61	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÌNH VĂN TÀI	TD2	32	1	3		50	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN NGUYỄN MẠNH TUỞNG	TD2	28	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	33	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	ĐÀO VĂN MINH	TD2	34	1	5		64	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	9	11	81	637	30	4		
2	TD2	10	10	60	675	70	17		
TOTAL		19	21	141	1.312	100	21		
WEIGHT KG				141	1.312	100			

GRAND TOAL: 1.553 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2022	TO: BK4 - P2 - BK6	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: LHải - T.Hiếu - HĐức - HTNam	ETA: 11:15
Trang - 2			

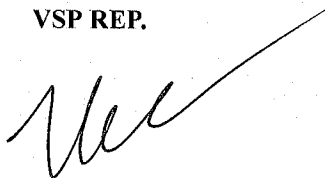
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	BK4	53	1	6	40	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO ĐỨC MINH	P2	34	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN BAO TOÀN	P2	32	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN ĐĂNG TUẤN	P2	31	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HỮU KHANH	P2	35	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
6	HOÀNG MINH QUÂN	P2	33	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THIÊN NAM	P2	89	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VĂN NGUYỄN	P2	30	1	10		70	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TỊNH	P2	28	1	8		70	DK9	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG HUY	P2	900	1	10		63	DK9	Vietnamese
11	LÊ NGỌC AN	BK6	22-23	2	16	70	78	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU QUYNH AN	BK6	24	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ VĂN THỌ	BK6	20	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN SÁCH ĐON	BK6	29-30	2	26		60	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THẾ CÔNG	BK6	21	1	5		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	1	1	6	70	40	372		CHUYEN 2 PAX BK4-P2 CHUYEN 1 PAX P2-BK6
2	P2	9	9	73	641	0	1371		
3	BK6	5	7	57	346	70	4		
TOTAL		15	17	136	1.057	110	20		
WEIGHT KG				136	1.057	110			

GRAND TOTAL: 1.303 KGS

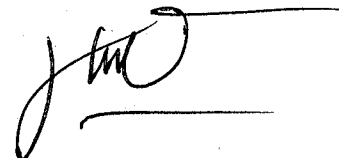
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:30
FLIGHT: 11	TO: P7 - TD2	CREW: HUNG - VLinH - QTruong	ETA: 13:10
TIM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO DINH THANH	P7	76	1	7		51	KHOAN	Vietnamese
2	DO VAN PHAN	P7	75	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
3	DAU CAO KHANG	P7	72	1	10		51	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TRONG TUAN	P7	80-81	2	16		71	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN CUONG	P7	70	1	14	15	70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN LOI	P7	73-74	2	17		64	DVL	Vietnamese
7	VO CHI THANH	P7	77-79	3	18		81	DVL	Vietnamese
8	PHAM VAN VUI	P7	68-69	2	18		61	XAYLAP	Vietnamese
9	DINH DUY HAI	TD2	87	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
10	LE VINH THUAT	TD2	91	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN TU	TD2	97	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH QUOC KHANH	TD2	92	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUY KIEN	TD2	96	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DUC THANH	TD2	100	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM TIEN PHUONG	TD2	93	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
16	KIEU TUAN ANH	TD2	98-99	2	14		90	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN DUC LONG	TD2	94-95	2	20		65	DVL	Vietnamese
18	HOANG MANH HUNG	TD2	90	1	5		82	GETRACO	Vietnamese
19	TRAN QUANG NHAN	TD2	89	1	8		57	GETRACO	Vietnamese
20	NGUYEN TRUNG HIEU	TD2	88	1	5		76	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

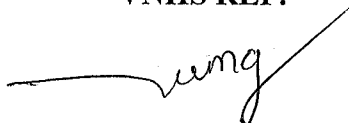
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	8	13	105	524	15	5		
2	TD2	12	14	98	881	0	16		
TOTAL		20	27	203	1.405	15	21		
WEIGHT KG				203	1.405	15			

GRAND TOAL: 1.623 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/03/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 610	ETD: 11:25
FLIGHT: 12	TO: PPD - TD2	CREW: Tường - NKhánh	ETA: 13:25
VANG-2			

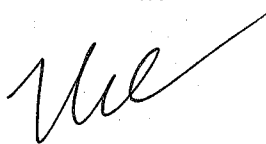
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH VIÊN	PPD	52-53	2	15	50	76	KHI	Vietnamese
2	LÊ QUANG HUY	PPD	45-46	2	18		71	NHATHAU	Vietnamese
3	BUI VĂN ĐÀO	PPD	47	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	50-51	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT TIẾN	PPD	48-49	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐÌNH TIẾN	PPD	150	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
7	SOKOLOVA	PPD	51	1	10		65	NIPI	Russian
8	PHAN MAI DƯƠNG	PPD	41	1	9		78	DICHVU	Vietnamese
9	NGUYỄN HỒNG DƯƠNG	PPD	06	1	5		57	PSV	Vietnamese
10	HOÀNG XUÂN ĐÔNG	PPD	73	1	6		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

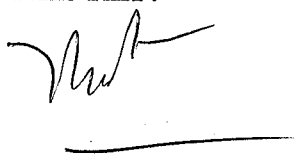
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	10	14	97	679	50	5		13F0+ 1 YT
2	TD2	0	0	0	0	0	9		
TOTAL		10	14	97	679	50	14		
WEIGHT KG				97	679	50			

GRAND TOAL: 826 KGS

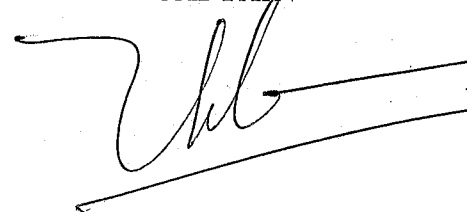
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





VIETSOVPETRO
XNLD VIETSOVPETRO

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Đường bay: PPD+TD2

Ngày: 30 / 03 / 2022	Nơi đi : MSP-PPD	Số hiệu máy bay: 610	Giờ bay: 11:25
Chuyến bay № 1	Thẻ: VÀNG	Nơi đến : VŨNG TÀU	Tổ bay:
HÀNH KHÁCH		Giờ hạ cánh:	

STT	TÊN HÀNH KHÁCH	CHỨC VỤ	CÔNG TY	QUỐC TỊCH	DANH SỐ CMND HỘ CHIẾU	HÀNH LÝ		TL NGƯỜI KG
						KIỆN	KG	
1	Nguyễn Văn Thu	Công nhân	Duy Linh	Việt Nam	034079009484	2	13	71
2	Đặng Trần Long	Công nhân	Duy Linh	Việt Nam	273179690	1	8	65
3	Trương Huy Trọng	Công nhân	Duy Linh	Việt Nam	273410782	2	16	62
4	Nguyễn Anh Thắng	Công nhân	Duy Linh	Việt Nam	172138188	2	18	67
5	Phan Văn Thành	Công nhân	Duy Linh	Việt Nam	183819303	1	9	66
6								
7								
8								
9								
10								
11								
12								
13								
14								
15								
16								
17								
18								
19								
20								
21								
22								
Số HK đi: 5					Trọng lượng:	64	331	

HÀNG HÓA

STT	TÊN HÀNG HÓA	NƠI ĐẾN	SỐ LƯỢNG	TRỌNG LƯỢNG
1				
2				
3				
Tổng cộng:			0	0

NGƯỜI LẬP

ĐẠI DIỆN GIÀN

PHI CÔNG TRƯỜNG

Nguyễn Mạnh Cường

Galliamov Ildar

Đỗ Thành Hưng

MÔ TẢ	SỐ LƯỢNG	TL (Kg)
Hành khách	5 người	331
Hành lý	8 kiện	64
Hàng hóa	0 kiện	0
Tổng cộng:		395

Bác sỹ giám:



XNLD VIETSOVPETRO

Điện thoại: 0918532945

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH F0

Đường bay: PPD + TD02

Ngày: 30/Mar/2022	Nơi xuất phát: TD2	Số hiệu máy bay: 610	Giờ cất cánh: 11:30
Chuyến bay: 3	Nơi đến: VUNG TAU	Tổ bay	Giờ hạ cánh:

HÀNH KHÁCH:

Stt	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Số hộ chiếu/ CMND	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	
1	TRẦN VĂN BĂNG	Nhân viên	XNKT	Việt Nam	16507	1	5	61
2	GROMOV S. A	ĐỘC CÔNG	XNKSG	RUSSIAN	18694	1	9	85
3	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	Thợ bơm trám	XNKSG	VIETNAMESE	21036	1	9	65
4	VŨ VĂN THỦY	Thợ móc cáp	XN KSG	VIETNAMESE	14940	1	7	65
5	NGUYỄN HÙNG DŨNG	Đội trưởng	XN ĐVL	VIETNAMESE	16032	1	8	69
6	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	KS Vận hành	XN ĐVL	VIETNAMESE	17038	1	9	68
7	CAO TRỌNG SỸ	KS Dung dịch	DMC-MI	VIETNAMESE	024000261	1	11	63
8	BÙI VĂN LONG	Tạp vụ	GETRACO	VIETNAMESE	273541646	1	6	62
9	LÊ HỒNG GIANG	Thợ giàn giáo	Dung Quất	VIETNAMESE	42094019388	1	8	61
10								
11								
12								
13								
14								
15								
16								
17								
18								
19								
20								
21								
22								
Số HK đi:						Trong lượng:	9	72
								599

HÀNG HÓA:

Stt	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng
1				
2				
3				
4				
5				

Ghi chú:

Người lập:
Võ Sĩ Hoài Thanh

Đại diện gián:

Phi công trưởng:

Tổng cộng	0	0
Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	9	599
Hành lý	9	72
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	18	671



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/03/2022	TO: MRM - RC3 - P10	AIRCRAFT: 424	ETD: 11:35
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - VAnh -	ETA: 13:15
CAM-3		HTNam	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ALEXANDER POPOV	MRM	15-16	2	13		83	HALLIBUR	Russian
2	KIRICHENKO K.P	MRM	18	1	5		72	KHOAN	Russian
3	NGUYEN VIET TRUNG	MRM	55	1	10		87	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN QUANG HUNG	MRM	17	1	12		78	KHOAN	Vietnamese
5	BUI QUANG TUYNH	MRM	56	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN HUU TRUNG	MRM	63	1	17		75	KHOAN	Vietnamese
7	BUI THAI QUY	MRM	53	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
8	LE HUYNH TRUNG	MRM	54	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
9	LE THANH TU	MRM	58-59	2	15		72	DVL	Vietnamese
10	TRAN THAI AN	MRM	57	1	15		68	DVL	Vietnamese
11	DUONG MINH VIET	MRM	60-61	2	12		60	DVL	Vietnamese
12	PHAN HAI VIET	RC3	77-78	2	17		90	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM THE MANH	RC3	76	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI SY HIEU	RC3	75	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO KHANH NAM	RC3	73-74	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DAC DAT	RC3	90-92	3	14		68	PVGAS	Vietnamese
17	NGUYEN MINH THANG	RC3	79-80	2	17	75	64	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TUAN	RC3	72	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
19	DO MANH HUNG	RC3	83-84	2	11		59	XAYLAP	Vietnamese
20	TRUONG DUC MANH	RC3	81-82	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN QUOC PHI	P10	09	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	11	14	114	811	0	0		
2	RC3	9	16	113	651	75	4		
3	P10	1	1	10	70	0	6		
TOTAL		21	31	237	1.532	75	10		
WEIGHT KG				237	1.532	75			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN